|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2019/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

0

**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015 ;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.*

# CHƯƠNG I

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc xây dựng, thu nhập, cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, thu thập, cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, thu thập, cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

## Điều 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm là tập hợp những thông tin cơ bản về bảo hiểm xã hội; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế được xây dựng, thu thập, cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử.

## 2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được xây dựng tập trung, thống nhất, đồng bộ trên toàn quốc để dùng chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin cơ bản về bảo hiểm xã hội; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế phục vụ công tác quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện và yêu cầu chính đáng, hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

## Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, thu thập, cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

## Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

# CHƯƠNG II

# XÂY DỰNG, THU THẬP, CẬP NHẬT, DUY TRÌ, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

## Điều 6. Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

## 1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được xây dựng phù hợp kiến trúc hệ thống thông tin quốc gia, đáp ứng chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ thông tin, định mức kinh tế - kỹ thuât.

## 2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được xây dựng và quản lý tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trục thuộc Trung ương và Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

**Điều 7. Thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm**

Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm bao gồm các nhóm thông tin cơ bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân như sau:

1. Nhóm thông tin cơ bản về người tham gia bảo hiểm gồm:

2. Nhóm thông tin cơ bản về bảo hiểm xã hội của người tham gia gồm:

3. Nhóm thông tin về bảo hiểm y tế của người tham gia gồm:

4. Nhóm thông tin về bảo hiểm thất nghiệp của người tham gia bao gồm:

5. Nhóm thông tin về hộ gia đình bao gồm:

6. Nhóm thông tin về tổ chức đóng bảo hiểm cho người lao động gồm:

7. Nhóm thông tin về cơ sở khám chữa bệnh gồm:

8. Nhóm thông tin trích xuất phục vụ quản lý nhà nước: Bao gồm các thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm phục vụ công tác báo cáo, nghiên cứu hoạch định chính sách.

## Điều 8. Thu thập, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

 Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được thu thập, cập nhật từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác và từ các quy trình, thủ tục thực hiện tham gia, thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

**Điều 9. Duy trì Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

## Điều 10. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Đối tượng, phạm vi khai thác và sử dụng

2. Hình thức khai thác và sử dụng

## Điều 11. Kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được thực hiện theo các quy định của pháp luật về kết nối và chia sẻ dữ liệu số.

# CHƯƠNG III

# TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC XÂY DỰNG, THU THẬP, CẬP NHẬT, DUY TRÌ, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

## Điều 12. Quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và thực hiện các trách nhiệm quy định tại Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo thẩm quyền và thực hiện các trách nhiệmquy định tại Nghị định này.

## Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

## Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

**Điều 16. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam**

## Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

## Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác và sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

# CHƯƠNG IV

# ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

## Điều 19. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng … năm 2019.

## Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Ủy ban quốc gia về ứng dụng CNTT;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KGVX (3b). | TM. CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG**Nguyễn Xuân Phúc |